https://vnras.com/drug/

Thành phần

Dexclorpheniramin maleat 6mg

Tá dược v.đ ..... 1 viên nén bao phim

(Tinh bột sắn, Lactose, Polyvinyl pyrrolidon K30, Magnesi stearat, Talc, Hydroxypropyl methylcellulose 615, Titan dioxyd, Polyethylen glycol 6000)

Quy cách đóng gói: kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Stt	Mô tả tóm tắt quy cách đóng gói
1	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 2 vỉ
2	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 5 vỉ
3	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 10 vỉ
4	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 20 vỉ
5	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 50 vỉ
6	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 5 vỉ
7	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 10 vỉ

Stt	Mô tả tóm tắt quy cách đóng gói
8	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 25 vỉ
9	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 50 vỉ
10	Đóng chai 100 viên
11	Đóng chai 200 viên
12	Đóng chai 300 viên
13	Đóng chai 500 viên
14	Đóng chai 1000 viên

Dược lực học

Dexclorpheniramin là kháng histamin có rất ít tác dụng an thần, có tác dụng phụ chống tiết acetylcholin, nhưng tác dụng này khác nhau nhiều giữa các cá thể. Tác dụng kháng histamin của Dexclorpheniramin thông qua phong bế cạnh tranh các thụ thể H_1 của các tế bào tác động.

Dược động học

Dexclorpheniramin maleat hấp thu tốt qua đường tiêu hóa, thời gian bán hủy trong huyết tương từ 30 phút đến 1 giờ. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong khoảng 2,5 đến 6 giờ sau khi uống. Sinh khả dụng thấp, đạt 25-50%. Khoảng 70% thuốc tuần hoàn liên kết với protein. Thể tích phân bố khoảng 3,5 lít/kg đối với người lớn.

Dexclorpheniramin maleat chuyển hóa nhanh và nhiều. Thuốc được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa, sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu. Thời gian bán thải là 12-15 giờ.

Chỉ định

Trị sổ mũi dị ứng, viêm mũi (mùa hoặc quanh năm). Dị ứng do thức ăn, thuốc, ký sinh trùng, nổi mày đay, viêm kết mạc.

Liều dùng và cách dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: uống 1 viên/ lần, ngày 1-2 lần (cách 12 giờ).

Chống chỉ định

Quá mẫn với thành phần của thuốc. Người bệnh đang cơn hen cấp.

Người bệnh có triệu chứng phì đại tuyến tiền liệt.

Glocom góc hẹp.

Tắc cổ bàng quang. Loét dạ dày chít, tắc môn vị - tá tràng.

Người bệnh dùng thuốc ức chế monoaminoxidase (MAO) trong vòng 14 ngày, tính đến thời điểm điều trị bằng Dexclorpheniramin vì tính chất chống tiết acetylcholin của Dexclorpheniramin bị tăng lên bởi các chất ức chế MAO.

Trẻ em dưới 12 tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú.

Thận trọng và cảnh báo đặc biệt khi sử dụng thuốc

Dexclorpheniramin có thể làm tăng nguy cơ bí tiểu tiện do tác dụng phụ chống tiết acetylcholin của thuốc, đặc biệt ở người bị phì đại tuyến tiền liệt, tắc đường niệu, tắc môn vị tá tràng và làm trầm trọng thêm ở người bệnh nhược cơ.

Tác dụng an thần của thuốc tăng lên khi uống rượu và khi dùng đồng thời với các thuốc an thần khác.

https://vnras.com/drug/

Vacobaphacao

Có nguy cơ biến chứng đường hô hấp, suy giảm hô hấp và ngừng thở, điều đó có thể gây rắc rối ở người bị bệnh tắc nghẽn phổi hay ở trẻ em nhỏ. Phải thận trọng khi có bệnh phổi mạn tính, thở ngắn hoặc khó thở.

Có nguy cơ bị sâu răng ở những người bệnh điều trị thời gian dài, do tác dụng chống tiết acetylcholin, gây khô miệng.

Tránh dùng cho người bệnh bị tăng nhãn áp như bị glocom.

Dùng thuốc thận trọng với người cao tuổi (> 60 tuổi) vì những người này thường tăng nhạy cảm với tác dụng chống tiết acetylcholin.

Phụ nữ có thai và cho con bú: không được dùng.

Người lái xe và vận hành máy móc: thuốc có tác dụng an thần, không sử dụng cho người lái xe và vận hành máy móc.

Tác dụng không mong muốn

Tác dụng an thần rất khác nhau từ ngủ gà nhẹ đến ngủ sâu, khô miệng, chóng mặt và gây kích thích xảy ra khi điều trị ngắt quãng. Tuy nhiên, hầu hết người bệnh chịu đựng được các phản ứng phụ khi điều trị liên tục, đặc biệt nếu tăng liều từ từ.

Thường gặp: Ngủ gà, an thần, khô miệng. Hiếm gặp: chóng mặt, buồn nôn.

Tác dụng phụ chống tiết acetylcholin trên TKTW và tác dụng chống tiết acetylcholin ở người nhạy cảm (người bị bệnh glocom, phì đại tuyến tiền liệt và những tình trạng dễ nhạy cảm khác), có thể nghiêm trọng. Tần suất của các phản ứng này khó ước tính do thiếu thông tin.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Tương tác thuốc

Tăng tác dụng an thần của các thuốc ức chế thần kinh trung ương bao gồm alcohol, barbituric, thuốc ngủ, giảm đau gây nghiện, giải lo âu và chống loạn thần.

Tăng tác dụng kháng muscarin khi kết hợp với các thuốc kháng muscarin như atropin và 1 số thuốc chống trầm cảm (cả 3 vòng và IMAO)

Có thể che khuất các dấu hiệu nguy hiểm gây ra bởi các thuốc gây hại cho tai như kháng sinh nhóm aminoglycoside.

Có thể cản trở các phản ứng da đối với các chất gây dị ứng và nên ngưng dùng thuốc vài ngày trước khi làm các xét nghiệm trên da.

Quá liều và xử trí

* *Triệu chứng*: an thần, kích thích nghịch thường hệ TKTW, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholin, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp.

* Điều trị triệu chứng và hỗ trợ chức năng sống, cần chú ý đặc biệt đến chức năng gan, thận, hô hấp, tim và cân bằng nước, điện giải.

Rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng siro ipeca. Sau đó, cho dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu.

Khi gặp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Có thể điều trị co giật bằng tiêm tĩnh mạch diazepam hoặc phenytoin. Có thể phải truyền máu trong những ca nặng.

Hạn dùng, bảo quản, tiêu chuẩn áp dụng

- Hạn dùng: 48 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.
- Tiêu chuẩn áp dụng: DĐVN 4

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến của Bác sĩ.

GMP WHO

Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM

Avacopharm

59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

ĐT:(0272) 3.829.311 • Fax:(0272) 3.822.244

Địa chỉ nhà máy: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An www.vacopharm.com